

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN
XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 6
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	7
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	15 - 44

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên được đổi tên từ Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp Phú Yên từ ngày 20 tháng 12 năm 2011 và sử dụng tên mới để giao dịch từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 theo Nghị quyết số 03/NQ-LYK ngày 08 tháng 10 năm 2011 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp Phú Yên.

Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp Phú Yên trước đây là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Vật tư Tổng hợp Phú Yên theo Quyết định số 482/QĐ-ĐTKDV.HĐQT ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước.

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4400114094 ngày 25 tháng 12 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty được cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sau:

- Đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 19 tháng 8 năm 2011 về việc bổ sung địa điểm kinh doanh;
- Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 20 tháng 12 năm 2011 về việc đổi tên Công ty;
- Đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 07 tháng 5 năm 2012 về việc thay đổi người đại diện pháp luật và thành lập Chi nhánh Công ty tại Kho Xăng dầu Vũng Rô;
- Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 25 tháng 11 năm 2013 về việc bổ sung thêm Chi nhánh Công ty tại Bình Định và địa điểm kinh doanh;
- Đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 31 tháng 12 năm 2013 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh;
- Đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 08 tháng 02 năm 2014 về việc bổ sung địa điểm kinh doanh;
- Đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 20 tháng 5 năm 2014 về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính;
- Đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 08 tháng 7 năm 2014 về việc bổ sung Chi nhánh Công ty tại Gia Lai, Khánh Hòa và địa điểm kinh doanh;
- Đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 17 tháng 02 năm 2021 về việc tăng vốn điều lệ.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Số 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
- Điện thoại : 0257. 3 828 643
- Fax : 0257. 3 824 162

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị/Cửa hàng xăng dầu	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu Khí Phú Yên - Kho Xăng dầu Vũng Rô	Thôn Vũng Rô, xã Hòa Xuân Nam, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên tại Bình Định	Khu vực Bà Canh, Phường Đập Đá, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên tại Gia Lai	Đường Ngô Quyền, phường Cheo Reo, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên tại Khánh Hòa	Thôn Chà Liên, xã Liên Sang, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên tại Đắk Lắk	Thôn 6A, xã Hòa An, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tên đơn vị/Cửa hàng xăng dầu	Địa chỉ
Cửa hàng Xăng dầu 224	Số 224 Nguyễn Tất Thành, phường 8, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Hòa An	Thôn Đông Phước, xã Hòa An, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Trung Tâm	Số 43 Nguyễn Tất Thành, phường 1, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Ga Gò Mắm	Khu phố Mỹ Lệ Đông, thị trấn Phú Thứ, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Hòa Vinh 2	Khu phố 1, thị trấn Hòa Vinh, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Hòa Vinh 1	Khu phố 3, thị trấn Hòa Vinh, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Hòa Xuân Đông	Thôn Phú Khê, xã Hòa Xuân Đông, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Hòa Xuân Tây	Thôn Bàn Nham, xã Hòa Xuân Tây, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu An Mỹ	Thôn Hòa Đa, xã An Mỹ, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Chí Thạnh	Khu phố Long Bình, thị trấn Chí Thạnh, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu An Ninh Tây	Thôn Diêm Điền, xã An Ninh Tây, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu 42 Lê Duẩn	Số 42 Lê Duẩn, phường 6, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu 229	Số 229 Nguyễn Tất Thành, phường 8, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Hòa Thành	Thôn Phước Bình Bắc, xã Hòa Thành, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Sơn Nguyên	Xã Sơn Nguyên, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Củng Sơn	Khu phố Tây Hòa, thị trấn Củng Sơn, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Khánh Vĩnh	Tổ 6, thị trấn Khánh Vĩnh, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa
Cửa hàng Xăng dầu Phú Cần	Quốc lộ 25 Dốc Đò, xã Phú Cần, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Phú Túc	304 Hùng Vương, thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Ia Pa	Thôn Ma Rin 3, xã Ia Ma Ron, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Ia Mron	Thôn Hlil 2, xã Ia Ma Ron, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Pờ Tó	Thôn Dron, xã Pờ Tó, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Ia Tul	Thôn Bôn Biah C, xã Ia Tul, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Ayun Pa	Quốc lộ 25, xã Ia Rtô, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Phú Bôn	Đường Ngô Quyền, phường Cheo Reo, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Cheo Reo	01 Lý Thường Kiệt, phường Cheo Reo, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Hòa Bình	Đường Nguyễn Viết Xuân, phường Hòa Bình, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Bình Kiến	Nguyễn Tất Thành, thôn Phú Vang, xã Bình Kiến, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Phú Thiện	Thôn Drok, xã Chư A Thai, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Khánh Lê	Thôn Chà Liên, xã Liên Sang, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa
Cửa hàng Xăng dầu An Nghiệp	ĐT 650, xã An Nghiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Phước An	Thôn 6A, xã Hòa An, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk
Cửa hàng Xăng dầu Hòa Trị	ĐH 22, xã Hòa Trị, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tên đơn vị/Cửa hàng xăng dầu	Địa chỉ
Cửa hàng Xăng dầu Đập Đá	Khu vực Bả Canh, Phường Đập Đá, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định
Cửa hàng Xăng dầu 668	ĐT 668, thôn Bôn Hoai, xã Chư Băh, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Phú Ân	Quốc lộ 25, xã Hòa An, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Phú Gia	Tổ dân phố 7, thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Sơn Giang	Quốc lộ 29, xã Sơn Giang, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Hòa Vinh 3	Quốc lộ 29, thị trấn Hòa Vinh, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Ân Niên	ĐH 21, xã Hòa An, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Xuân Lãn	Quốc lộ 19C, xã Xuân Lãn, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Sông Hinh	Quốc lộ 29, thị trấn Hai Riêng, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Hòa Định Tây	Quốc lộ 25, xã Hòa Định Tây, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Phú An	Thôn Phú An, xã Ia Le, huyện Chư Puh, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Xuân Quang	Đường Phước Lộc - A20, xã Xuân Quang 3, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Đông Phú Thiện	Quốc lộ 25, xã Ia Piar, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Sơn Thành	Quốc lộ 29, xã Sơn Thành Đông, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Phú Nhơn	Thôn Hòa Thành, xã Ia Phang, huyện Chư pưh, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Phú Đông	Đường Hùng Vương, phường Phú Đông, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Hai Riêng	Quốc lộ 29, thị trấn Hai Riêng, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Xuân Long	Quốc lộ 19C, xã Xuân Long, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Đông La Hai	ĐT 641, thị trấn La Hai, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Sơn Long	ĐT 643, xã Sơn Long, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Mua bán xăng, dầu và các sản phẩm liên quan. Mua bán khí đốt;
- Sản xuất, chế biến hàng nông sản xuất khẩu;
- Mua bán vật tư nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật). Mua bán nguyên liệu phi nông nghiệp;
- Mua bán nông lâm sản;
- Sản xuất, chế biến hàng lâm sản xuất khẩu;
- Mua bán vật liệu xây dựng, nhựa đường;
- Mua bán thủy sản xuất khẩu và tiêu thụ nội địa;
- Vận tải hàng hóa (kể cả vận tải chất lỏng);
- Mua bán máy móc, thiết bị và phụ tùng thay thế;
- Dịch vụ rửa xe và bảo dưỡng xe ô tô, xe có động cơ;
- Nhập khẩu: xăng, dầu, vật tư, dầu nhờn, khí đốt, máy móc, thiết bị phục vụ cho nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật) và ngành xây dựng; nông lâm sản; phương tiện vận tải; hàng hóa tiêu dùng.



CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Anh Toàn	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Thái Định	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2020
Bà Mai Bích Thùy	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2020
Ông Trần Văn Hay	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2020
Ông Ma Đức Tú	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2020

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Huỳnh Minh Triết	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2020
Bà Lại Thị Thu Hoài	Kiểm soát viên	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2020

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Thái Định	Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015
Ông Võ Nguyên Hợp	Phó Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 8 năm 2020
Ông Trần Văn Hay	Phó Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 8 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Hồng Phương	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 02 năm 2020

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Thái Định – Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Nguyễn Thái Định
Giám đốc

Ngày 30 tháng 7 năm 2021

Head Office	: 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv@a-c.com.vn
Branch in Hà Nội	: 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Lê Hồng Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Cần Thơ	: 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Răng Dist., Cần Thơ City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 1.1255/21/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 7 năm 2021, từ trang 08 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các nguyên tắc của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Nguyễn Văn Kiên – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 0192-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2021

144981
CHI NH
NG TY
TOÁN V
NHA TI
A&C - T

CÔNG TY CỔ PHẦN XÃNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		166.380.582.183	102.355.938.861
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.327.654.711	2.040.280.069
1. Tiền	111		2.327.654.711	2.040.280.069
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		74.409.049.743	62.208.499.044
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	74.054.371.339	61.603.493.083
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	346.626.665	773.139.586
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	17.303.895.784	18.113.065.601
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(17.295.844.045)	(18.281.199.226)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		88.062.388.710	36.175.396.811
1. Hàng tồn kho	141	V.6	88.062.388.710	36.175.396.811
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.581.489.019	1.931.762.937
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	657.715.818	1.931.762.937
2. Thuê giá trị gia tăng được khấu trừ	152		923.773.201	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		129.846.402.382	120.059.144.473
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		82.550.760.875	79.580.200.154
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	53.708.420.651	50.367.683.150
- Nguyên giá	222		121.098.380.767	114.324.419.310
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(67.389.960.116)	(63.956.736.160)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	28.842.340.224	29.212.517.004
- Nguyên giá	228		31.471.368.428	31.471.368.428
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.629.028.204)	(2.258.851.424)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		5.427.101.084	4.180.003.548
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	5.427.101.084	4.180.003.548
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		9.360.000.000	9.360.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.11	9.360.000.000	9.360.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		32.508.540.423	26.938.940.771
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	32.315.678.947	26.040.702.014
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	192.861.476	898.238.757
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		296.226.984.565	222.415.083.334

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		163.100.626.201	91.838.786.212
I. Nợ ngắn hạn	310		158.922.469.054	81.233.118.212
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	79.930.614.724	18.307.096.074
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	417.461.160	1.634.746.306
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	47.442.263.643	45.787.779.203
4. Phải trả người lao động	314	V.16	7.831.327.670	8.096.385.664
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	6.635.562.092	1.968.263.407
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18	-	26.181.820
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	7.288.316.566	681.484.716
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	825.174.300	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.21	3.110.116.760	2.814.689.565
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	5.441.632.139	1.916.491.457
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		4.178.157.147	10.605.668.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	4.178.157.147	10.605.668.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên


BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ


6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

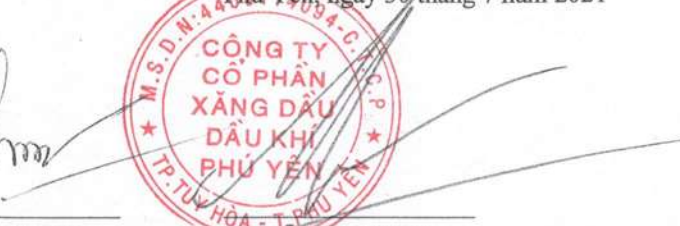
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		133.126.358.364	130.576.297.122
I. Vốn chủ sở hữu	410		133.126.358.364	130.576.297.122
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.23	86.519.260.000	82.400.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		86.519.260.000	82.400.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.23	36.474.931.242	34.032.616.656
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.23	10.132.167.122	14.143.680.466
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		214.262.729	14.143.680.466
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		9.917.904.393	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		296.226.984.565	222.415.083.334

Phú Yên, ngày 30 tháng 7 năm 2021


Trịnh Thương Huyền
Người lập


Nguyễn Thị Hồng Phương
Kế toán trưởng


Nguyễn Thái Định
Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.012.510.110.459	815.507.204.791
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.012.510.110.459	815.507.204.791
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	941.893.432.152	770.495.429.768
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		70.616.678.307	45.011.775.023
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.735.517.247	1.691.626.529
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	165.893.045	19.756.850
Trong đó: chi phí lãi vay	23		165.893.045	19.756.850
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	47.279.180.061	41.612.275.001
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	11.167.885.905	11.747.419.267
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.739.236.543	(6.676.049.566)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	42.835.207	3.528.609.243
12. Chi phí khác	32	VI.8	106.546.032	93.000.000
13. Lợi nhuận khác	40		(63.710.825)	3.435.609.243
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.675.525.718	(3.240.440.323)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	1.572.767.946	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	705.377.281	10.083.317
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>12.397.380.491</u>	<u>(3.250.523.640)</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>1.146</u>	<u>(376)</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	<u>1.146</u>	<u>(376)</u>

Phú Yên, ngày 30 tháng 7 năm 2021



Trịnh Thương Huyền
Người lập



Nguyễn Thị Hồng Phương
Kế toán trưởng



Nguyễn Thái Định
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		14.675.525.718	(3.240.440.323)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8, V.9	3.803.400.736	3.299.122.360
- Các khoản dự phòng	03	V.5, V.21	(689.927.986)	178.953.294
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(1.612.885.765)	(1.801.626.529)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	165.893.045	19.756.850
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		16.342.005.748	(1.544.234.348)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(12.138.968.719)	4.825.381.267
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(51.886.991.899)	(5.489.413.948)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		70.769.187.637	11.995.671.488
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(5.000.929.814)	3.675.040.641
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	VI.4	(165.893.045)	(19.756.850)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(3.116.302.328)	(2.327.334.952)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.22	(698.426.667)	(979.228.651)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		14.103.680.913	10.136.124.647
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(7.986.712.733)	(1.931.548.151)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.6	-	110.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	1.612.885.765	1.691.626.529
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(6.373.826.968)	(129.921.622)

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20b	4.637.670.800	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20b	(10.240.007.353)	(10.000.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.19, 23	(1.840.142.750)	(1.020.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(7.442.479.303)	(10.001.020.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		287.374.642	5.182.525
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	2.040.280.069	1.899.346.506
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	2.327.654.711	1.904.529.031

Trịnh Thương Huyền
Người lập

Nguyễn Thị Hồng Phương
Kế toán trưởng



Phú Yên, ngày 30 tháng 7 năm 2021

Nguyễn Thái Định
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Mua bán xăng dầu và các sản phẩm liên quan; Mua bán khí đốt; Vận tải hàng hóa (kể cả vận tải chất lỏng); Nhập khẩu: xăng, dầu, vật tư, dầu nhớt, khí đốt, máy móc, thiết bị phục vụ cho nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật) và ngành xây dựng; nông lâm sản; phương tiện vận tải; hàng hóa tiêu dùng.

4. Chu kỳ, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn – Phú Yên có trụ sở chính tại thôn Vũng Rô, xã Hòa Xuân Nam, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này kinh doanh khí dầu hóa lỏng, chiết nạp khí dầu hóa lỏng. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 39%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị/Cửa hàng xăng dầu	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên - Kho Xăng dầu Vũng Rô	Thôn Vũng Rô, xã Hòa Xuân Nam, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên tại Bình Định	Khu vực Bà Canh, Phường Đập Đá, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên tại Gia Lai	Đường Ngô Quyền, phường Cheo Reo, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên tại Khánh Hòa	Thôn Chà Liên, xã Liên Sang, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên tại Đắk Lắk	Thôn 6A, xã Hòa An, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk
Cửa hàng Xăng dầu 224	Số 224 Nguyễn Tất Thành, phường 8, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Hòa An	Thôn Đông Phước, xã Hòa An, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Trung Tâm	Số 43 Nguyễn Tất Thành, phường 1, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Ga Gò Mâm	Khu phố Mỹ Lệ Đông, thị trấn Phú Thứ, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Hòa Vinh 2	Khu phố 1, thị trấn Hòa Vinh, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tên đơn vị/Cửa hàng xăng dầu	Địa chỉ
Cửa hàng Xăng dầu Hòa Vinh 1	Khu phố 3, thị trấn Hòa Vinh, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Hòa Xuân Đông	Thôn Phú Khê, xã Hòa Xuân Đông, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Hòa Xuân Tây	Thôn Bàn Nham, xã Hòa Xuân Tây, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu An Mỹ	Thôn Hòa Đa, xã An Mỹ, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Chí Thạnh	Khu phố Long Bình, thị trấn Chí Thạnh, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu An Ninh Tây	Thôn Diêm Điền, xã An Ninh Tây, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu 42 Lê Duẩn	Số 42 Lê Duẩn, phường 6, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu 229	Số 229 Nguyễn Tất Thành, phường 8, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Hòa Thành	Thôn Phước Bình Bắc, xã Hòa Thành, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Sơn Nguyên	Xã Sơn Nguyên, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Củng Sơn	Khu phố Tây Hòa, thị trấn Củng Sơn, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Khánh Vĩnh	Tổ 6, thị trấn Khánh Vĩnh, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa
Cửa hàng Xăng dầu Phú Cản	Quốc lộ 25 Dốc Đò, xã Phú Cản, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Phú Túc	304 Hùng Vương, thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Ia Pa	Thôn Ma Rin 3, xã Ia Ma Rơn, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Ia Mron	Thôn Hlil 2, xã Ia Ma Rơn, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Pờ Tó	Thôn Dron, xã Pờ Tó, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Ia Tul	Thôn Bôn Biah C, xã Ia Tul, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Ayun Pa	Quốc lộ 25, xã Ia Rtô, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Phú Bôn	Đường Ngô Quyền, phường Cheo Reo, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Cheo Reo	01 Lý Thường Kiệt, phường Cheo Reo, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Hòa Bình	Đường Nguyễn Viết Xuân, phường Hòa Bình, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Bình Kiến	Nguyễn Tất Thành, thôn Phú Vang, xã Bình Kiến, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Phú Thiện	Thôn Drok, xã Chư A Thai, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Khánh Lê	Thôn Chà Liên, xã Liên Sang, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa
Cửa hàng Xăng dầu An Nghiệp	ĐT 650, xã An Nghiệp, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Phước An	Quốc lộ 26, xã Hòa An, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk
Cửa hàng Xăng dầu Hòa Trị	ĐH 22, xã Hòa Trị, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Đập Đá	Khu vực Bả Canh, Phường Đập Đá, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định
Cửa hàng Xăng dầu 668	ĐT 668, thôn Bôn Hoai, xã Chư Băh, thị xã Ayun Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Phú Ân	Quốc lộ 25, xã Hòa An, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Phú Gia	Tổ dân phố 7, thị trấn Phú Túc, huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Sơn Giang	Quốc lộ 29, xã Sơn Giang, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Hòa Vinh 3	Quốc lộ 29, thị trấn Hòa Vinh, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Ân Niên	ĐH 21, xã Hòa An, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Xuân Lành	Quốc lộ 19C, xã Xuân Lành, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Sông Hinh	Quốc lộ 29, thị trấn Hai Riêng, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Hòa Định Tây	Quốc lộ 25, xã Hòa Định Tây, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Phú An	Thôn Phú An, xã Ia Le, huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Xuân Quang	Đường Phước Lộc - A20, xã Xuân Quang 3, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Đông Phú Thiện	Quốc lộ 25, xã Ia Piar, huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai
Cửa hàng Xăng dầu Sơn Thành	Quốc lộ 29, xã Sơn Thành Đông, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Phú Nhơn	Thôn Hòa Thành, xã Ia Phang, huyện Chư pưh, tỉnh Gia Lai

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU ĐẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tên đơn vị/Cửa hàng xăng dầu	Địa chỉ
Cửa hàng Xăng dầu Phú Đông	Đường Hùng Vương, phường Phú Đông, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Hai Riêng	Quốc lộ 29, thị trấn Hai Riêng, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Xuân Long	Quốc lộ 19C, xã Xuân Long, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Đông La Hai	ĐT 641, thị trấn La Hai, huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên
Cửa hàng Xăng dầu Sơn Long	ĐT 643, xã Sơn Long, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên

6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**
Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. **Nhân viên**
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 282 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 281 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
2. **Tiền và các khoản tương đương tiền**
Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

5-001
ẢNH
TNHI
và TƯ
C
FRANG
T. KH

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là Chi phí công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí, kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 5 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua và các khoản chi phí kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty chỉ có:

Dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường

Quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường được lập để phòng ngừa, khắc phục, bù đắp các sự cố về môi trường xảy ra trong quá trình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Mức trích lập dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường bằng 0,5% trên doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ đối với các hoạt động quy định tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư 86/2016/TT-NTC ngày 20/6/2016 và số tiền trích không vượt quá 5% lợi nhuận trước thuế năm. Số dư trích lập Quỹ này không được vượt quá 10% Vốn điều lệ của doanh nghiệp.

Tăng, giảm số dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc chi trả cổ tức.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hoá được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh trong kỳ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ này.

CHI
NG.
TỔA
NH/
ANG

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ sau.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình kinh doanh hoặc cung cấp dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình kinh doanh hoặc cung cấp dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	2.205.702.214	1.920.396.680
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	121.952.497	119.883.389
Cộng	2.327.654.711	2.040.280.069

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	2.998.898.366	2.488.033.957
Công ty Cổ phần TM Xuất nhập khẩu Thủ Đức	909.144.940	931.110.530
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	426.968.907	347.993.177
Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP	405.178.889	90.515.810
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	384.396.070	417.537.650
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV OIL Miền Trung	257.484.440	210.964.183
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	180.276.515	209.335.980
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	153.211.538	87.966.290
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Phú Yên	96.995.116	53.148.488
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	74.942.090	62.660.100
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	73.347.470	45.714.280
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	32.513.797	16.978.545
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thừa Thiên Huế	4.415.740	7.689.827
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hải Phòng	22.854	6.419.097
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	71.055.472.973	59.115.459.126
Công ty Cổ phần Thủy sản Hoài Nhơn	12.000.203.709	12.823.609.329
Công ty Cổ phần Thương mại Quy Nhơn	11.003.393.330	11.849.552.830
Các khách hàng khác	48.051.875.934	34.442.296.967
Cộng	74.054.371.339	61.603.493.083

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	39.910.665	28.511.786
Chi nhánh Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP - XN Tổng Kho Xăng dầu Miền Đông	39.910.665	-
Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè	-	28.511.786
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	306.716.000	744.627.800
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng Hải	130.000.000	130.000.000
Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng hải Miền Nam	-	500.000.000
Các nhà cung cấp khác	176.716.000	114.627.800
Cộng	346.626.665	773.139.586

4. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	16.604.952.041	(16.604.952.041)	17.604.952.041	(17.604.952.041)
Công ty Cổ phần Điều Phú Yên - Tiền lãi cho vay	16.604.952.041	(16.604.952.041)	17.604.952.041	(17.604.952.041)

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	698.943.743	-	508.113.560	-
Các khoản ký cược, ký quỹ	239.290.000	-	289.615.000	-
Tạm ứng	104.320.000	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	355.333.743	-	218.498.560	-
Cộng	17.303.895.784	(16.604.952.041)	18.113.065.601	(17.604.952.041)

5. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>		16.604.952.041	-		17.604.952.041	-
Công ty Cổ phần Điều Phú Yên – Tiền lãi cho vay	Trên 3 năm	16.604.952.041	-	Trên 3 năm	17.604.952.041	-
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		762.177.440	71.285.436		790.538.290	114.291.105
Phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	375.559.320	-	Trên 3 năm	365.331.300	-
Phải thu tiền bán hàng	Từ 2 đến dưới 3 năm	237.618.120	71.285.436	Từ 2 đến dưới 3 năm	119.061.950	35.718.585
Phải thu tiền bán hàng	Từ 1 đến dưới 2 năm	-	-	Từ 1 đến dưới 2 năm	157.145.040	78.572.520
Trả trước xây dựng cơ bản	Trên 3 năm	149.000.000	-	Trên 3 năm	149.000.000	-
Cộng		17.367.129.481	71.285.436		18.395.490.331	114.291.105

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	18.281.199.226	19.149.503.245
Trích lập dự phòng bổ sung	41.605.669	113.953.294
Hoàn nhập dự phòng	(1.006.800.000)	-
Giảm do xóa nợ	(20.160.850)	-
Số cuối kỳ	17.295.844.045	19.263.456.539

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	1.368.741.420	-	1.222.890.832	-
Hàng hóa	86.693.647.290	-	34.952.505.979	-
Cộng	88.062.388.710	-	36.175.396.811	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU ĐẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	408.211.127	219.063.906
Chi phí công cụ dụng cụ	73.065.453	72.790.852
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	176.439.238	1.639.908.179
Cộng	657.715.818	1.931.762.937

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền thuê cửa hàng, tiền thuê đất	31.969.968.323	25.816.350.830
Chi phí sửa chữa tài sản	209.168.005	171.288.882
Các chi phí trả trước dài hạn khác	136.542.619	53.062.302
Cộng	32.315.678.947	26.040.702.014

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	83.271.361.432	20.460.140.462	10.450.866.962	142.050.454	114.324.419.310
Mua trong kỳ	-	609.186.134	-	-	609.186.134
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	4.746.926.034	1.417.849.289	-	-	6.164.775.323
Phân loại lại	(508.200.000)	508.200.000	-	-	-
Số cuối kỳ	87.510.087.466	22.995.375.885	10.450.866.962	142.050.454	121.098.380.767
Trong đó:					
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	31.580.988.894	5.272.471.827	1.348.929.714	142.050.454	38.344.440.889
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	44.227.839.260	11.727.484.528	7.859.361.918	142.050.454	63.956.736.160
Khấu hao trong kỳ	1.725.971.253	1.102.575.967	604.676.736	-	3.433.223.956
Phân loại lại	(508.200.000)	508.200.000	-	-	-
Số cuối kỳ	45.445.610.513	13.338.260.495	8.464.038.654	142.050.454	67.389.960.116
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	39.043.522.172	8.732.655.934	2.591.505.044	-	50.367.683.150
Số cuối kỳ	42.064.476.953	9.657.115.390	1.986.828.308	-	53.708.420.651
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 7.006.032.851 VND đã được thế chấp để đảm bảo thanh toán cho khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Phú Yên và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh tỉnh Phú Yên (xem thuyết minh số V.20b).

9. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	31.010.203.321	461.165.107	31.471.368.428
Số cuối kỳ	31.010.203.321	461.165.107	31.471.368.428
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.237.933.607	20.917.817	2.258.851.424
Khấu hao trong kỳ	319.738.614	50.438.166	370.176.780
Số cuối kỳ	2.557.672.221	71.355.983	2.629.028.204
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	28.772.269.714	440.247.290	29.212.517.004
Số cuối kỳ	28.452.531.100	389.809.124	28.842.340.224
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 2.943.164.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo thanh toán cho khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Phú Yên (xem thuyết minh số V.20b).

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm tài sản cố định	-	155.014.922	(155.014.922)	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	4.180.003.548	8.940.135.248	(6.009.760.401)	(1.683.277.311)	5.427.101.084
- Cửa hàng xăng dầu Đông La Hai	1.512.015.420	2.955.816.719	(3.679.680.999)	(788.151.140)	-
- Cửa hàng xăng dầu Ea Chà Rang	1.360.811.018	33.558.800	-	-	1.394.369.818
- Cửa hàng xăng dầu Sơn Long	1.091.658.482	1.462.965.455	(1.659.497.766)	(895.126.171)	-
- Kho Xăng dầu Vũng Rô	214.154.992	3.398.982.164	(670.581.636)	-	2.942.555.520
- Cửa hàng xăng dầu Nam Xuân Lãnh	-	1.064.433.928	-	-	1.064.433.928
- Cửa hàng xăng dầu Krông Pa	-	11.500.000	-	-	11.500.000
- Các công trình khác	1.363.636	12.878.182	-	-	14.241.818
Cộng	4.180.003.548	9.095.150.170	(6.164.775.323)	(1.683.277.311)	5.427.101.084

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

11. Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên kết là Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Phú Yên.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4400344901 ngày 16 tháng 8 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Phú Yên 9.360.000.000 VND (tương ứng 93.600 cổ phiếu), tương đương 39% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư đủ số vốn đăng ký.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty liên kết

Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Phú Yên hiện đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.

Giao dịch với công ty liên kết

Các giao dịch giữa Công ty và Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Phú Yên trong kỳ như sau:

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức được chia	1.591.200.000	1.684.800.000
Doanh thu bán xăng dầu và cung cấp dịch vụ	420.466.753	230.237.666

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chi phí phải trả, chi tiết phát sinh như sau:

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	898.238.757	294.770.012
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(705.377.281)	(10.083.317)
Số cuối kỳ	192.861.476	284.686.695

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	77.134.022.445	15.126.219.033
Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP	76.915.378.864	14.781.003.965
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	67.859.130	152.097.500
Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần - Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè	49.279.285	-
Chi nhánh Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam - CTCP tại Quảng Ngãi	33.764.391	59.314.414
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thừa Thiên Huế	25.847.010	50.340.770
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	25.532.760	31.065.800
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	12.752.350	20.597.340

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV OIL Miền Trung	3.608.655	4.739.683
Chi nhánh Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP – Xí nghiệp Tổng Kho Xăng dầu Miền Đông	-	27.059.561
Phải trả các nhà cung cấp khác	2.796.592.279	3.180.877.041
Các nhà cung cấp khác	2.796.592.279	3.180.877.041
Cộng	79.930.614.724	18.307.096.074

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước của các bên liên quan	229.510	229.510
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	229.510	229.510
Trả trước của khách hàng khác	417.231.650	1.634.516.796
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tiến Việt	228.380.000	-
HTX Nông nghiệp kinh doanh dịch vụ Hòa Mỹ Tây	67.810.000	-
DNTN Xăng dầu Ly Vi Na	76.900.000	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Phát triển Hoàng Sơn - Quy Nhơn	-	552.250.000
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Miền núi Gia Lai	-	380.490.000
Công ty TNHH Thương Hoan	-	266.240.000
Công ty TNHH Đình Phát	-	239.490.000
Các khách hàng khác	44.141.650	196.046.796
Cộng	417.461.160	1.634.746.306

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã thực nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.981.687.968	25.636.996.041	(28.054.568.178)	2.564.115.831
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.752.471.141	1.572.767.946	(3.116.302.328)	208.936.759
Thuế thu nhập cá nhân	30.034.642	370.888.937	(315.036.311)	85.887.268
Tiền thuê đất	-	249.612.453	(249.612.453)	-
Thuế bảo vệ môi trường	39.023.585.452	257.814.347.168	(252.254.608.835)	44.583.323.785
Các loại thuế khác	-	61.000.000	(61.000.000)	-
Cộng	45.787.779.203	285.705.612.545	(284.051.128.105)	47.442.263.643

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo quy định tại Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015, Thông tư số 78/2014/TT-BTC và Thông tư số 96/2015/TT-BTC sửa đổi một số điều Thông tư số 78/2014/TT-BTC, Công ty được hưởng ưu đãi thuế TNDN đối với 08 cửa hàng đầu tư mới trên địa bàn có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn và khó khăn:

- Các cửa hàng xăng dầu Hòa Trị, Phú Ân, Ân Niên, Hòa Định Tây tại huyện Phú Hòa - tỉnh Phú Yên; cửa hàng xăng dầu Sông Hinh tại huyện Sông Hinh - tỉnh Phú Yên; cửa hàng xăng dầu Xuân Quang tại huyện Đông Xuân - tỉnh Phú Yên thuộc địa bàn kinh tế đặc biệt khó khăn với ưu đãi thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm và miễn thuế bốn năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong chín năm tiếp theo. Cửa hàng xăng dầu Hòa Trị được hưởng ưu đãi thuế miễn thuế từ năm 2017; cửa hàng xăng dầu Ân Niên, Phú Ân và Sông Hinh được hưởng ưu đãi miễn thuế từ năm 2018; cửa hàng xăng dầu Hòa Định Tây và Xuân Quang được hưởng ưu đãi miễn thuế từ năm 2019.
- Cửa hàng xăng dầu An Nghiệp tại huyện Tuy An - tỉnh Phú Yên, cửa hàng xăng dầu Hòa Vinh 3 tại huyện Đông Hòa - tỉnh Phú Yên thuộc địa bàn kinh tế khó khăn với ưu đãi thuế suất 17% trong thời hạn 10 năm và miễn thuế hai năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong bốn năm tiếp theo. Cửa hàng xăng dầu An Nghiệp hưởng ưu đãi miễn thuế từ năm 2017. Cửa hàng xăng dầu Hòa Vinh 3 hưởng ưu đãi miễn thuế từ năm 2018.

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập khác với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.675.525.718	(3.240.440.323)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	187.558.014	181.024.076
- Các khoản điều chỉnh giảm	(3.864.259.614)	(50.416.587)
Thu nhập chịu thuế	10.998.824.118	(3.109.832.834)
Thu nhập được miễn thuế	(1.591.200.000)	(1.684.800.000)
Thu nhập tính thuế	9.407.624.118	(4.794.632.834)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	1.881.524.824	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(43.173.279)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(265.583.599)	-
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	1.572.767.946	-

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng theo thông báo của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế bảo vệ môi trường

Công ty phải nộp thuế bảo vệ môi trường với mức thuế cho từng mặt hàng như sau:

Loại hàng hóa	Đơn giá (VND/lít)
- Dầu diesel	2.000
- Xăng, trừ ethanol	4.000

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Phải trả người lao động

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền lương phải trả	7.831.327.670	8.096.385.664
Cộng	<u>7.831.327.670</u>	<u>8.096.385.664</u>

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<u>338.873.773</u>	<u>222.637.558</u>
Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP - Chi phí sử dụng nhãn hiệu PVN	338.873.773	222.637.558
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<u>6.296.688.319</u>	<u>1.745.625.849</u>
Chi phí sửa chữa, thay thế	1.403.697.550	1.498.437.849
Chi phí ăn ca	198.436.000	202.188.000
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	4.694.554.769	45.000.000
Cộng	<u>6.635.562.092</u>	<u>1.968.263.407</u>

18. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Số đầu năm là số tiền nhận trước về cho thuê tài sản tại Cửa hàng xăng dầu Khánh Lê.

19. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<u>3.775.153.200</u>	-
Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP - Cổ tức phải trả	3.775.153.200	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<u>3.513.163.366</u>	<u>681.484.716</u>
Tài sản thừa chờ giải quyết	2.645.251.020	-
Kinh phí công đoàn	206.999.574	-
Cổ tức phải trả	112.815.700	104.359.750
Tiền bảo hành phải trả các đơn vị cung cấp	442.926.098	440.501.016
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	105.170.974	136.623.950
Cộng	<u>7.288.316.566</u>	<u>681.484.716</u>

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

20. Vay ngắn hạn/dài hạn

20a. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	825.174.300	-
Cộng	825.174.300	-

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số tiền (VND)
Số đầu năm	-
Kết chuyển từ vay dài hạn	825.174.300
Số cuối kỳ	825.174.300

20b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Phú Yên ⁽ⁱ⁾	3.098.374.587	606.668.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Phú Yên ⁽ⁱⁱ⁾	1.079.782.560	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Yên	-	9.999.000.000
Cộng	4.178.157.147	10.605.668.000

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

(i) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh tỉnh Phú Yên theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 4600-LAV-202002050 ngày 21 tháng 8 năm 2020 để sửa chữa giai đoạn 2 đường vào Kho xăng dầu Vũng Rô thuộc công trình sửa chữa, nâng cấp đường vào kho xăng dầu Vũng Rô với lãi suất được tính bằng lãi suất huy động tiết kiệm dân cư 12 tháng trả lãi sau + biên độ 2,8%/năm, thời hạn vay là 60 tháng.
- Hợp đồng tín dụng số 4600-LAV-202100276 ngày 19 tháng 01 năm 2021 để đầu tư xây dựng mới cửa hàng xăng dầu Đông La Hai với lãi suất được tính bằng lãi suất huy động tiết kiệm dân cư 13 tháng trả lãi sau + biên độ 2,9%/năm, thời hạn vay là 132 tháng.
- Hợp đồng tín dụng số 4600-LAV-202100468 ngày 08 tháng 02 năm 2021 để mua lưu lượng kế 4" với lãi suất được tính bằng lãi suất huy động tiết kiệm dân cư 13 tháng trả lãi sau + biên độ 2,9%/năm, thời hạn vay là 36 tháng.
- Hợp đồng tín dụng số 4600-LAV-202100493 ngày 09 tháng 02 năm 2021 để mua mua cần xuất xăng dầu 4" tại kho xăng dầu Vũng Rô với lãi suất được tính bằng lãi suất huy động tiết kiệm dân cư 13 tháng trả lãi sau + biên độ 2,9%/năm, thời hạn vay là 36 tháng.
- Hợp đồng tín dụng số 4600-LAV-202100954 ngày 20 tháng 4 năm 2021 để đầu tư sửa chữa phần còn lại đường vào kho xăng dầu Vũng Rô thuộc công trình sửa chữa, nâng cấp đường vào kho xăng dầu Vũng Rô với lãi suất được tính bằng lãi suất huy động tiết kiệm dân cư 13 tháng trả lãi sau + biên độ 2,9%/năm, thời hạn vay là 120 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản vay nêu trên được đảm bảo thanh toán bằng thế chấp tài sản là đất và quyền sở hữu công trình tại địa chỉ thôn Phú Vang, xã Bình Kiến, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; thôn Nguyễn An, xã Sơn Nguyên, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên; khu phố 10, thị trấn Hai Riêng, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên.

- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh tỉnh Phú Yên theo hợp đồng tín dụng số 202125992832 ngày 04 tháng 02 năm 2021 để đầu tư cửa hàng xăng dầu Sơn Long với lãi suất ba tháng đầu tiên là 8,15%/năm cho lần giải ngân đầu tiên, các lần giải ngân sau lãi suất được xác định tại thời điểm giải ngân và được ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ, thời hạn vay là 60 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 067402, số vào sổ cấp GCN: CT 04090 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên cấp ngày 15/10/2018 tại địa chỉ Khu phố 2, thị trấn Hòa Vinh, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

Thông tin về tài sản thế chấp trình bày tại thuyết minh số V.8 và V.9.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	825.174.300	9.999.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	2.782.485.425	606.668.000
Trên 5 năm	1.395.671.722	-
Cộng	<u>5.003.331.447</u>	<u>10.605.668.000</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>
Số đầu năm	10.605.668.000
Số tiền vay trong kỳ	4.637.670.800
Số tiền đã trả trong kỳ	(10.240.007.353)
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(825.174.300)
Số cuối kỳ	<u>4.178.157.147</u>

20c. Vay và nợ quá hạn

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

21. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến khoản dự phòng rủi ro bồi thường thiệt hại về môi trường. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	2.814.689.565	2.233.508.492
Tăng do trích lập	733.776.285	65.000.000
Số sử dụng	(438.349.090)	-
Số cuối kỳ	<u>3.110.116.760</u>	<u>2.298.508.492</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Quỹ thưởng người quản lý	Cộng
Số đầu năm	158.005.309	1.758.486.148	-	1.916.491.457
Trích quỹ từ lợi nhuận năm 2020	420.333.958	1.118.557.293	205.200.000	1.744.091.251
Tạm trích quỹ từ lợi nhuận kỳ này	1.239.738.049	1.239.738.049	-	2.479.476.098
Chi quỹ trong kỳ	(132.000.000)	(361.226.667)	(205.200.000)	(698.426.667)
Số cuối kỳ	1.686.077.316	3.755.554.823	-	5.441.632.139

23. Vốn chủ sở hữu**23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	82.400.000.000	29.436.293.986	17.182.118.572	129.018.412.558
Chia cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận năm 2019	-	-	(4.120.000.000)	(4.120.000.000)
Trích quỹ từ lợi nhuận năm 2019	-	4.596.322.670	(4.596.322.670)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2019	-	-	(3.393.150.443)	(3.393.150.443)
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	(3.250.523.640)	(3.250.523.640)
Số dư cuối kỳ trước	82.400.000.000	34.032.616.656	1.822.121.819	118.254.738.475
Số dư đầu năm nay	82.400.000.000	34.032.616.656	14.143.680.466	130.576.297.122
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	4.119.260.000	-	(4.119.260.000)	-
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2020	-	-	(5.623.751.900)	(5.623.751.900)
Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2020	-	2.442.314.586	(2.442.314.586)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2020	-	-	(1.744.091.251)	(1.744.091.251)
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	12.397.380.491	12.397.380.491
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận kỳ này	-	-	(2.479.476.098)	(2.479.476.098)
Số dư cuối kỳ này	86.519.260.000	36.474.931.242	10.132.167.122	133.126.358.364

23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã thông qua Nghị quyết số 11/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 05 tháng 3 năm 2021 về việc chia cổ tức năm 2019 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 5% mệnh giá, tương ứng 4.119.260.000 VND.

Công ty đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 9 ngày 17 tháng 2 năm 2021 do tăng vốn điều lệ từ 82.400.000.000 VND lên thành 86.519.260.000 VND, chi tiết vốn góp theo cổ đông như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP	58.079.280.000	55.313.600.000
Ông Đỗ Tiến Cường	7.651.450.000	7.287.100.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	5.397.380.000	5.140.370.000
Bà Lê Thị Liên	5.381.350.000	5.125.100.000
Các cổ đông khác	10.009.800.000	9.533.830.000
Cộng	86.519.260.000	82.400.000.000

23c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.651.926	8.240.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	8.651.926	8.240.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.651.926	8.240.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.651.926	8.240.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.651.926	8.240.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ đã phân phối lợi nhuận năm 2019 và năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 ngày 23 tháng 4 năm 2021 như sau:

	Số được phân phối	Số đã trích trong năm trước	Số đã trích trong kỳ này
• Chia cổ tức bằng cổ phiếu	4.119.260.000	-	4.119.260.000
• Chia cổ tức bằng tiền	5.623.751.900	-	5.623.751.900
• Trích quỹ đầu tư phát triển	2.442.314.586	-	2.442.314.586
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.442.314.586	698.223.335	1.744.091.251

Ngoài ra, Công ty còn tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận trong kỳ với số tiền 2.479.476.098 VND.

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

24a. Tài sản nhận giữ hộ

	Số lượng (lít)
Hàng hóa, nguyên liệu nhận giữ hộ	
- Ethanol (E100)	84.732
- Xăng các loại	6.024.787
- Dầu các loại	3.438.735

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

24b. Nợ khó đòi đã xử lý

Nợ khó đòi đã xử lý tại ngày cuối kỳ là 86.732.900 VND (số đầu năm là 66.572.050 VND). Công ty xử lý các khoản nợ này do không có khả năng thu hồi.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	1.003.915.700.800	807.194.191.512
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.594.409.659	8.313.013.279
Cộng	1.012.510.110.459	815.507.204.791

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.11, Công ty còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP	1.352.592.152	2.289.937.958
Cung cấp dịch vụ	1.352.592.152	2.289.937.958
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	2.592.312.460	6.693.032.808
Cung cấp dịch vụ	689.585.187	466.487.354
Bán hàng hóa	1.902.727.273	6.226.545.454
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	160.259.799	1.806.980.196
Cung cấp dịch vụ	160.259.799	114.616.559
Bán hàng hóa	-	1.692.363.637
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV OIL Miền Trung	992.236.427	1.084.663.283
Cung cấp dịch vụ	992.236.427	758.845.101
Bán hàng hóa	-	325.818.182
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thừa Thiên Huế	583.103.720	1.036.279.975
Cung cấp dịch vụ	61.740.084	36.734.520
Bán hàng hóa	521.363.636	999.545.455
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh	-	1.007.636.364
Bán hàng hóa	-	1.007.636.364

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư – CTCP (Petec)	1.007.639.224	822.925.183
Cung cấp dịch vụ	1.007.639.224	822.925.183
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng	3.462.687	503.009.893
Cung cấp dịch vụ	3.462.687	12.934.711
Bán hàng hóa	-	490.075.182
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	110.553.144	10.794.475
Cung cấp dịch vụ	110.553.144	10.794.475
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	11.272.222	4.442.483
Cung cấp dịch vụ	11.272.222	4.442.483
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	-	1.880.050
Cung cấp dịch vụ	-	1.880.050
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	2.327.182	576.137
Cung cấp dịch vụ	2.327.182	576.137
Công ty Cổ phần TM Xuất nhập khẩu Thủ Đức	5.540.153	-
Bán hàng hóa	5.540.153	-

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	941.893.432.152	770.495.429.768
Cộng	941.893.432.152	770.495.429.768

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	21.685.765	6.826.529
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.591.200.000	1.684.800.000
Thưởng thanh toán tiền hàng trước hạn	1.122.631.482	-
Cộng	2.735.517.247	1.691.626.529

4. Doanh thu hoạt động tài chính

Là chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ.

 2021
 NH
 NH
 TƯ V
 C
 ANG
 KHẨ

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	22.724.068.556	19.643.241.761
Chi phí vật liệu, bao bì	104.242.556	71.002.676
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	698.991.541	1.381.644.367
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.182.621.860	2.746.306.066
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.553.756.636	13.218.952.110
- <i>Phí vận chuyển xăng dầu</i>	7.925.520.043	3.578.220.270
- <i>Chi phí dịch vụ mua ngoài khác</i>	9.628.236.593	9.640.731.840
Các chi phí khác	3.015.498.912	4.551.128.021
Cộng	47.279.180.061	41.612.275.001

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	6.790.609.446	6.440.889.019
Chi phí vật liệu quản lý	204.426.718	236.475.535
Chi phí đồ dùng văn phòng	67.702.077	71.229.093
Chi phí khấu hao tài sản cố định	620.778.876	552.816.294
Thuế, phí và lệ phí	103.198.372	112.832.998
Dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường	733.776.285	65.000.000
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) nợ phải thu khó đòi	(965.194.331)	113.953.294
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.791.440.152	1.996.950.357
Các chi phí khác	1.821.148.310	2.157.272.677
Cộng	11.167.885.905	11.747.419.267

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Xử lý kiểm kê thừa	-	2.087.606.959
Tiền thưởng nhận được do thanh toán trước hạn	-	1.258.792.004
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	110.000.000
Các khoản thu nhập khác	42.835.207	72.210.280
Cộng	42.835.207	3.528.609.243

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	93.000.000	93.000.000
Thuế bị phạt, bị truy thu	13.494.928	-
Chi phí khác	51.104	-
Cộng	106.546.032	93.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.397.380.491	(3.250.523.640)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.479.476.098)	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	9.917.904.393	(3.250.523.640)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	8.651.926	8.651.926
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.146	(376)

10b. Thông tin khác

Ngày 17 tháng 02 năm 2021 Công ty đã tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của sự kiện này. Việc điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước tăng từ (394) VND xuống còn (376) VND.

11. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.075.362.892	1.760.351.671
Chi phí nhân công	29.514.678.002	26.084.130.780
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.803.400.736	3.299.122.360
Chi phí dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng)	(231.418.046)	178.953.294
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.345.196.788	15.215.902.467
Chi phí khác	4.939.845.594	6.821.233.696
Cộng	58.447.065.966	53.359.694.268

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban điều hành (gồm Ban giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Kỳ này	Kỳ trước
Hội đồng quản trị (01 Chủ tịch, 02 thành viên, 01 thành viên kiêm Giám đốc, 01 thành viên kiêm Phó Giám đốc)	1.132.425.267	959.376.252
Ban điều hành (01 Phó Giám đốc, Kế toán trưởng)	668.261.174	580.100.665
Cộng	1.800.686.442	1.539.476.917

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP tại Quảng Ngãi	Chi nhánh trực thuộc Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP - Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Miền Đông	Chi nhánh trực thuộc Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP - Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè	Chi nhánh trực thuộc Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận	Công ty có cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	Công ty có cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	Công ty có cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	Công ty có cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	Công ty có cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Tây Ninh	Công ty có cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức	Công ty có cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Hải Phòng	Công ty có cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Ninh Bình	Công ty có cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	Công ty có cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thừa Thiên Huế	Công ty có cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV OIL Miền Trung	Công ty có cùng công ty mẹ
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP (Petec)	Công ty có cùng công ty mẹ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL tại Đà Nẵng	Công ty có cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL	Công ty có cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông	Công ty có cùng công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dầu khí Sài Gòn - Phú Yên	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Điều Phú Yên	Công ty liên kết của công ty mẹ

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.11 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Kỳ trước
Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP		
Cổ tức phải trả	3.775.153.200	2.765.680.000
Mua hàng hóa xăng dầu	975.871.620.118	755.700.828.287
Tiền thưởng thanh toán trước hạn	1.122.631.482	1.258.792.004
Phí dịch vụ	467.858.532	346.842.286
Chi nhánh Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP tại Quảng Ngãi		
Phí dịch vụ	320.519.151	197.701.514
Chi nhánh Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP - Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Miền Đông		
Phí/(Điều chỉnh giảm) phí dịch vụ	(36.282.423)	12.946.695
Chi nhánh Tổng công ty Dầu Việt Nam – CTCP - Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè		
Phí dịch vụ	97.276.175	3.642.792
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Bình Thuận		
Mua hàng hóa xăng dầu	-	540.272.729
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn		
Mua hàng hóa xăng dầu	10.194.545.454	868.000.000
Phí dịch vụ	5.211.865	4.597.128
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu		
Phí dịch vụ	303.137	190.909
Mua hàng hóa xăng dầu	-	5.045.363.637
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng		
Phí dịch vụ	21.197.319	8.785.228
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa		
Phí dịch vụ	2.856.092	1.028.999
Công ty Cổ phần TM Xuất nhập khẩu Thủ Đức		
Phí dịch vụ	49.616.454	13.137.206
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội		
Phí dịch vụ	19.024.090	11.721.953

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Kỳ trước
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thừa Thiên Huế		
Mua hàng hóa xăng dầu	3.186.545.455	824.454.545
Phí dịch vụ	-	2.854.869
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Miền Trung		
Phí dịch vụ	21.739.447	876.867
Mua hàng hóa xăng dầu	-	329.454.545
Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP (Petec)		
Mua hàng hóa xăng dầu	426.113.000	5.258.756.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dầu nhờn PVOIL tại Đà Nẵng		
Mua hàng hóa xăng dầu	1.330.213.116	1.435.695.146
Công ty Cổ phần Dầu khí Mê Kông		
Phí dịch vụ	3.761.456	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thị trường.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.3, V.4, V.13, V.14, V.17 và V.19.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh xăng dầu và trong khu vực địa lý chính là lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo Quyết định số 04/2021/QĐ-HDQT ngày 19 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng quản trị bổ nhiệm ông Ngô Văn Nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Phú Yên từ ngày 01 tháng 8 năm 2021 thay vị trí ông Nguyễn Thái Định sẽ nghỉ hưu.

CÔNG TY CỔ PHẦN XĂNG DẦU DẦU KHÍ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 157-159 Hùng Vương, phường 5, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phú Yên, ngày 30 tháng 7 năm 2021

Trịnh Thương Huyền
Người lập biểu

Nguyễn Thị Hồng Phương
Kế toán trưởng



Nguyễn Thái Định
Giám đốc

